**Phần mền Quản lý quán café**

* Quản lý Menu
* Chọn bàn và ghi nhận các yêu cầu của khách hàng
* In hóa đơn
* Thống kê

**Bảng mô tả Use – case**

|  |  |
| --- | --- |
| USE CASE | NỘI DUNG |
| Tên use-case | Thêm sản phẩm |
| Mô tả | Cho phép them sản phẩm vào danh mục sản phẩm của quán |
| Actor | Nhân viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi nhân viên chọn chức năng thêm mới sản phẩm |
| Tền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự chính | * Nhân viên chọn chức năng thêm sản phẩm * Nhập thông tin sản phẩm * Sản phẩm được thêm vào danh sách sản phẩm |
| Luồng sự phụ |  |

|  |  |
| --- | --- |
| USE CASE | NỘI DUNG |
| Tên use-case | Cập nhật sản phẩm |
| Mô tả | Cho phép sửa đổi thông tin của sản phẩm trong danh mục sản phẩm của quán. |
| Actor | Nhân viên. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi nhân viên chọn chức năng sửa mới sản phẩm. |
| Tền điều kiện | Sản phẩm phải có trong danh sách sản phẩm của quán |
| Hậu điều kiện | Sản phẩm được thay đổi thông tin |
| Luồng sự chính | * Nhân viên chọn chức năng sửa sản phẩm * Cập nhật thông tin sản phẩm * Sản phẩm được cập nhật trong danh sách sản phẩm |
| Luồng sự phụ | Sản phẩm không tồn tại |
| USE CASE | NỘI DUNG |
| Tên use-case | Xóa sản phẩm |
| Mô tả | Cho phép xóa sản phẩm trong danh mục sản phẩm của quán |
| Actor | Nhân viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi nhân viên chọn chức năng xóa sản phẩm |
| Tền điều kiện | Sản phẩm phải tồn tại trong danh sách sản phẩm |
| Hậu điều kiện | Xóa thành công sản phẩm |
| Luồng sự chính | * Nhân viên chọn chức năng xóa sản phẩm * Chọn sản phẩm cần xóa * Xóa sản phẩm trong danh sách các sản phẩm của quán |
| Luồng sự phụ |  |

|  |  |
| --- | --- |
| USE CASE | NỘI DUNG |
| Tên use-case | In hóa đơn. |
| Mô tả | Cho phép nhân viên xuất hóa đơn của từng bàn. |
| Actor | Nhân viên. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi nhân viên chọn chức năng xuất hóa đơn. |
| Tền điều kiện | Bàn chọn để in hóa đơn phải không được trống. |
| Hậu điều kiện | Xuất danh sách món ăn đã gọi của bàn và tổng tiền |
| Luồng sự chính | * Nhân viên chọn chức năng xuất hóa đơn * Nhập thông tin sản phẩm của bàn được hiển thị * Nhân viên ấn nút in hóa đơn |
| Luồng sự phụ | Bàn in hóa đơn không được trống |

|  |  |
| --- | --- |
| USE CASE | NỘI DUNG |
| Tên use-case | Gọi món |
| Mô tả | Khi khách hàng gọi mói thì nhân viên sẽ thêm món ăn đó vào bàn của họ |
| Actor | Nhân viên |
| Điều kiện kích hoạt | Nhân viên chọn chức năng thêm món |
| Tền điều kiện | Món ăn phải có trong danh sách món ăn |
| Hậu điều kiện | Món ăn được thêm vào bàn |
| Luồng sự chính | * Nhân viên chọn chức năng thêm món ăn * Nhân viên chọn các món ăn mà khách hàng gọi * Món ăn được thêm vào hóa đơn của bàn |
| Luồng sự phụ | Món ăn không có trong danh sách món ăn. |

|  |  |
| --- | --- |
| USE CASE | NỘI DUNG |
| Tên use-case | Thống kê |
| Mô tả | Cho phép in thống kê doanh thu của từng tháng |
| Actor | Nhân viên |
| Điều kiện kích hoạt | Khi nhân viên chọn chức năng thống kê |
| Tền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện | Xuất ra danh sách thông tin các giao dịch trong tháng |
| Luồng sự chính | * Nhân viên chọn chức năng thống kê * Danh sách các giao dịch trong tháng |
| Luồng sự phụ |  |



